

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ - ST
Ngày 30 - 9 - 2021
“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Quỳnh và ông Nguyễn Thành Đô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Đức A, sinh năm 1991, vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm 1995, vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn Làng Mạ, xã Tam Quan, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Đức A vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh trình bày: Anh và chị Vũ Thị P có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 01 năm 2013 tại UBND xã TQ, huyện TĐ, tỉnh VP trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà anh ở xã TQ, huyện TĐ. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Tháng 12/2020 chị Vũ Thị P làm đơn ly hôn và tòa án đã thụ lý giải quyết, hòa giải thì chị P rút đơn vợ chồng về đoàn tụ. Sau khi rút đơn thì vợ chồng vẫn sống ly thân, không có trách nhiệm gì với nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Gia K, sinh ngày 26/8/2013 và cháu Lê Thiện Nh, sinh ngày 31/01/2015. Ly hôn nguyện vọng anh xin được nuôi cháu K, chị P nuôi dưỡng cháu N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Công sức, đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị trình bày: Chị và anh Lê Đức A kết hôn ngày 17 tháng 01 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã TQ, huyện TĐ, tỉnh VP. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà anh Đức A ở xã TQ, huyện TĐ. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau là do anh có mối quan hệ với người khác, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Tháng 12/2020 chị Vũ Thị P làm đơn ly hôn và tòa án đã thụ lý giải quyết, hòa giải thì chị Phương rút đơn. Sau khi rút đơn vợ chồng chị vẫn sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nên cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nay anh A làm đơn xin ly hôn chị muốn vợ chồng về đoàn tụ. Nếu phải ly hôn chị đề nghị anh Lê Đức A hỗ trợ, bồi thường cho chị số tiền là 100.000.000đ thì chị mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Gia K, sinh ngày 26/8/2013 và cháu Lê Thiện N, sinh ngày 31/1/2015. Nếu phải ly hôn nguyện vọng chị xin được nuôi cháu N còn cháu K để cho anh Đức A nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Công sức, đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Về hôn nhân: Cho anh Lê Đức A được ly hôn với chị Vũ Thị P.

Về con chung: Giao cho anh Lê Đức A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Gia K, sinh ngày 26/8/2013, chị Vũ Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thiện N, sinh ngày 31/01/2015. Không ai phải đóng góp nuôi con chung và không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, cho vay, vay nợ, đất canh tác: Anh Lê Đức A và chị Vũ Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu của chị Phương đề nghị anh Lê Đức A phải hỗ trợ, bồi thường số tiền 100.000.000đ chị mới đồng ý ly hôn là không có căn cứ, mặt khác quá trình báo gọi chị Phương đến để hòa giải và tại phiên tòa chị đều vắng mặt được coi là từ bỏ yêu cầu nên không xem xét.

Quá trình xác minh tại UBND xã TQ cung cấp: Anh Lê Đức A và chị Vũ Thị P kết hôn ngày 17/01/2013 tại UBND xã TQ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình anh A ở thôn LM, xã TQ, đến tháng 12/2020 thì chị P về nhà bố mẹ đẻ của chị P sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng địa phương

không nắm được, đến nay anh Lê Đức A có đơn xin ly hôn chị Vũ Thị P, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Đức A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị P; chị Phương có nơi cư trú tại: Thôn LM, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh VP. Do vậy, xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Lê Đức A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Vũ Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt nên theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức A và chị Vũ Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay, chị P làm đơn xin ly hôn anh Lê Đức A sau đó rút đơn nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân, không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án chị Phương muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, không hợp tác, không đến Tòa án để hòa giải, xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa anh Lê Đức A và chị Vũ Thị P không thể tiếp tục vì anh, chị có mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân; điều đó khẳng định anh chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Lê Đức A được ly hôn chị Vũ Thị P là phù hợp.

Về yêu cầu của chị Phương đề nghị anh Lê Đức A phải hỗ trợ, bồi thường số tiền 100.000.000đ chị mới đồng ý ly hôn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về con chung: Giao cho anh Lê Đức A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Gia K, sinh ngày 26/8/2013, chị Vũ Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Lê Thiện N, sinh ngày 31/01/2015. Không ai phải đóng góp nuôi con chung và không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, cho vay, vay nợ, đất canh tác: Anh Lê Đức A và chị Vũ Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Lê Đức A phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, chị Phương không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Đức A được ly hôn chị Vũ Thị P.
2. Về con chung: Giao cho anh Lê Đức A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Gia Kh, sinh ngày 26/8/2013, chị Vũ Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thiện N, sinh ngày 31/01/2015. Không ai phải đóng góp nuôi con chung và không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.
3. Về án phí: Anh Lê Đức A phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0008421 ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh Lê Đức A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Tam Đảo;*
- *Chi cục THADS huyện Tam Đảo;*
- *UBND xã Tam Quan;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh